



bié míng

别名

noun · alias, alternative name

Example Sentences

Tā de bié míng shì A Qiáng

他的别名是阿强。

His alias is A Qiang.

Zhè zhǒng huā yǒu hěn duō bié míng

这种花有很多别名。

This flower has many alternative names.

Běi jīng de gǔ chēng shì Yān jīng zhè yě shì tā de yī gè bié míng

北京的古称是燕京，这也是它的一个别名。

Beijing's ancient name is Yanjing, which is also one of its aliases.

Trace each character, then write the word on your own.

别	别	别	别	别	别	别	别	别	别
名	名	名	名	名	名	名	名	名	名